

Số: 277/ĐA-UBND

Mường Tè, ngày 15 tháng 02 năm 2024

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Mường Tè

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Mường Tè là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 267.848 ha, chiếm 29,6% diện tích của tỉnh Lai Châu, đứng đầu 08 huyện, thành phố của tỉnh Lai Châu về diện tích. Huyện có 14 đơn vị hành chính gồm thị trấn Mường Tè và 13 xã.

Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; Phía Nam giáp huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; Phía Đông giáp huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; Phía Tây giáp huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Huyện có tổng chiều dài đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc dài 130,292 km đi qua 6 xã biên giới (Mù Cỏ, Ka Lăng, Thu Lũm, Tá Bạ, Pa Ủ, Pa Vệ Sủ) nên Mường Tè có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia.

Tính đến ngày 31/12/2023, huyện Mường Tè có dân số 49.106 người; gồm 14 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó: Dân tộc Kinh 3.040 người, chiếm 6,19%; dân tộc Thái 10.854 người, chiếm 22,1%; dân tộc Mông 8.095 người, chiếm 16,48%; dân tộc Dao 305 người, chiếm 0,62%; dân tộc Giáy 1088 người, chiếm 2,22%; dân tộc La Hủ 12.739 người, chiếm 25,94%; Hà Nhì 9.548 người, chiếm 19,44%; dân tộc Mảng 1.258 người, chiếm 2,56%; dân tộc Cống 1.147 người, chiếm 2,34%; dân tộc Si La 858 người, chiếm 1,75%; dân tộc Mường 109 người, chiếm 0,22%, dân tộc khác 65 người, chiếm 0,13%. Phần lớn các dân tộc thiểu số trình độ dân trí chưa cao, không đồng đều, đời sống còn khó khăn, các dân tộc phân bố theo từng xã, thị trấn.

UBND huyện có 42 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, gồm: 06 đơn vị sự nghiệp kinh tế (trong đó 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên) và sự nghiệp khác và 36 đơn vị trường học (bậc mầm non, tiểu học, THCS). Các đơn vị sự nghiệp được thành lập và hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện.

Ngày 10/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 106/2020/NĐCP (thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP), quy định vị trí việc làm (VTVL) và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó các nhóm VTVL gồm:

VTVL lãnh đạo, VTVL chức danh nghề nghiệp (CDNN) chuyên ngành, VTVL CDNN dùng chung và hỗ trợ, phục vụ.

Xây dựng vị trí việc làm là việc xác định công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là cơ sở để xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Xác định vị trí việc làm và xây dựng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hợp lý cho từng đơn vị giúp Lãnh đạo đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên kiểm soát được số lượng biên chế; là cơ sở để từ đó đặt ra yêu cầu về khung năng lực, tiêu chuẩn cho từng vị trí cụ thể như: Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, các kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn; là căn cứ để tuyển dụng, bố trí sử dụng viên chức; là giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả của bộ máy, khắc phục tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nhân lực như hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời để triển khai thực hiện mục tiêu về cải cách chế độ công vụ đến năm 2025 quy định tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ “*Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định*” thì việc triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm để thực hiện việc sắp xếp, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp lý về thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức

1.1. Văn bản chỉ đạo của Trung ương đảng và quy định của Chính phủ, các bộ ngành

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ Lao động Thương binh và XH về việc quy định về điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

- Quyết định số 01/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên;

1.2. Văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh

- Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông trên cơ sở hợp nhất bộ phận sự nghiệp của Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Mường Tè;

- Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mường Tè;

- Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mường Tè;

- Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Tè.

2. Văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ;

- Thông tư số 17/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học công nghệ Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

- Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ thông tin và truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

- Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 10/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 10/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng;

- Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

- Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT về hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư,

thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

3. Các văn bản liên quan đến việc xây dựng Đề án vị trí việc làm

- Kế hoạch số 130-KH/TU ngày 29/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng giai đoạn 2022-2026;

- Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

- Công văn số 3613/UBND-TH ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 4067/UBND-TH ngày 24/10/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 245/UBND-TH ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND huyện về sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng giai đoạn 2022-2026;

- Báo cáo số 214/BC-SNV ngày 01/02/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu thẩm định Đề án vị trí việc làm viên chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Mường Tè.

4. Các quyết định giao mức tự chủ chi thường xuyên của cơ quan có thẩm quyền

Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND huyện Mường Tè về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện, giai đoạn 2022-2025.

Phần II

THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (TRỪ CÁC ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN)

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

1. Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động

- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện; có chức năng là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền cấp huyện, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch và thư viện; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác văn hóa, thể

thao và du lịch cơ sở; tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thư viện, du lịch và tiếp nhận thông tin, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện; có chức năng tham mưu giúp UBND huyện thực hiện các hoạt động sự nghiệp khuyến nông - khuyến lâm, chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt, bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi; các dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của UBND huyện về tổ chức, số lượng người làm việc và hoạt động theo quy định đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc UBND huyện; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, hoạt động của UBND huyện; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo; có chức năng dạy nghề, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục và các quy định của pháp luật.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Mường Tè tham mưu cho UBND huyện về các lĩnh vực: Tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai.

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo gồm các đơn vị trường học do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện quản lý về chuyên môn, là đơn vị thực hiện các nhiệm vụ: Giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục, xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền; quản lý, sử dụng nhà giáo, nhân viên; tham gia vào quá trình điều động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với nhà giáo, nhân viên; tuyển sinh và quản lý học sinh; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội; tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động của đơn vị

- Đối tượng: Đội ngũ viên chức, người lao động của đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp cung ứng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Phạm vi hoạt động: Trên địa bàn huyện Mường Tè (tùy quy mô, phạm vi, tính chất hoạt động của từng đơn vị sự nghiệp).

- Tính chất hoạt động: Cung cấp những dịch vụ công mà Nhà nước chịu trách nhiệm đảm bảo phục vụ Nhân dân trong lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, thể thao, nông nghiệp hoặc các lĩnh vực mà khu vực ngoài Nhà nước không có khả năng đầu tư, không quan tâm đầu tư.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Về tổ chức bộ máy

a) Cơ cấu lãnh đạo

- Giám đốc: 04 người
- Hiệu trưởng: 34 người
- Phó Giám đốc: 07 người
- Phó Hiệu trưởng: 79 người.

b) Số lượng các đơn vị sự nghiệp: 40 đơn vị. Trong đó, có 04 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) và 36 đơn vị trường học.

2. Về số lượng người làm việc

*** Số lượng người làm việc được giao**

- Viên chức: 1.405 biên chế
- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ: 117 biên chế:

+ HĐLĐ hưởng lương ngân sách: 117 biên chế

+ HĐLĐ hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 0 biên chế.

*** Số lượng người làm việc, hợp đồng lao động hiện có:**

- Viên chức: 1.282 người
- Hợp đồng lao động Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ: 113 biên chế.

+ HĐLĐ hưởng lương ngân sách: 113 người

+ HĐLĐ hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 0 người.

3. Vị trí việc làm

3.1. Nhóm lãnh đạo, quản lý

- Giám đốc;
- Phó Giám đốc;

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

3.2. Nhóm vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành

- Quản lý công tác xây dựng cơ bản
- Công tác quản lý dự án
- Bồi thường tái định cư giải phóng mặt bằng
- Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng
- Công tác tuyển sinh, kế hoạch đào, giới thiệu việc làm
- Kỹ sư Lâm Nghiệp
- Kỹ sư nông nghiệp
- Kỹ sư chăn nuôi
- Kỹ sư thủy sản
- Kỹ sư môi trường
- Biên tập viên
- Phóng viên
- Phát thanh viên
- Biên dịch viên
- Kỹ thuật dựng và sản xuất chương trình
- Kỹ sư giao thông
- Kỹ sư Thủy Lợi
- Kỹ sư xây dựng
- Quản lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Đăng ký biến động quản lý sử dụng đất
- Công tác quản lý và phát triển quỹ đất
- Kỹ thuật và thông tin đất đai
- Diễn viên múa
- Ca sĩ
- Nhạc công
- Huấn luyện viên
- Tuyên truyền viên
- Biên đạo múa

- Hướng dẫn viên
- Họa sĩ
- Di sản viên
- Phương pháp viên
- Giáo viên dạy nghề giáo viên trung học phổ thông
- Giáo viên trung học cơ sở
- Giáo viên tiểu học
- Giáo viên mầm non
- Tổ trưởng
- Tổ phó
- Công tác khuyến nông
- Chuẩn đoán viên bệnh động vật
- Kiểm tra viên vệ sinh thú y
- Kiểm nghiệm viên thủy sản
- Kỹ thuật viên chuẩn đoán bệnh động vật
- Bảo vệ viên bảo vệ thực vật
- Kiểm nghiệm viên cây trồng
- Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật
- Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật
- Kiểm nghiệm viên thuốc thú y

3.3. Nhóm hỗ trợ, phục vụ

- Hành chính tổng hợp
- Kế toán
- Văn thư
- Lưu trữ viên
- Thủ quỹ
- Y tế
- Thiết bị, thí nghiệm
- Thư viện
- Kỹ thuật viên
- Công nghệ thông tin

- Bảo vệ
- Phục vụ.

III. CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1. Kinh phí hoạt động

Các đơn vị nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế hoạt động được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, có 38 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên; 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Trung tâm Phát triển quỹ đất).

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện: Bộ máy tổ chức tuy đã được sắp xếp, kiện toàn sau hợp nhất nhưng chưa đảm bảo theo yêu cầu của tình hình mới. Với khối lượng công việc lớn, viên chức chuyên môn còn thiếu, đa phần viên chức hoàn thiện trình độ đại học. Kinh phí hoạt động tuy đã được quan tâm, nhưng vẫn chưa đảm bảo cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm theo yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đời sống của viên chức còn gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp.

- Đối với Trung tâm Phát triển quỹ đất: Việc thực hiện nhiệm vụ có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực như đất đai, xây dựng, đấu thầu, đấu giá, đặc biệt là đất đai thường xuyên gặp vướng mắc về mặt pháp lý và cả về sự đồng thuận của Nhân dân; nhiệm vụ thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn huyện thuộc vùng núi, phạm vi hoạt động rộng, khó khăn trong việc đi lại. Thời tiết diễn biến bất thường, đặc biệt là vào mùa mưa thường xuyên xảy ra sạt lở, ách tắc giao thông, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác làm việc thực địa của đơn vị.

- Đối với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp: Phụ thuộc vào các điều kiện như: Điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế xã hội, tập quán canh tác của từng địa phương, thời vụ, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Đối với Trung tâm GDNN-GDTX huyện và các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Địa bàn rộng, địa hình chia cắt mạnh; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học thiếu và chưa đồng bộ; trình độ dân trí không đồng đều; nhận thức về vai trò học tập của một bộ phận người dân còn hạn chế; việc huy động học sinh, học viên ra lớp gặp nhiều khó khăn; người tái mù chữ ở một số bản vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn chiếm tỷ lệ cao.

Phần III THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC

1. Nhóm 01: Lĩnh vực văn hóa, thể thao và truyền thông: Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch và thư viện; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác văn hóa, thể thao và du lịch cơ sở; tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thư viện, du lịch.

2. Nhóm 02: Lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp: Thực hiện các hoạt động sự nghiệp khuyến nông - khuyến lâm, chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt, bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi; các dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Nhóm 03: Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên: Dạy nghề, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm.

4. Nhóm 04: Lĩnh vực phát triển quỹ đất: Tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai.

5. Nhóm 05: Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giảng dạy, các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền; quản lý, sử dụng nhà giáo, nhân viên; tuyển sinh và quản lý học sinh; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho nhà giáo, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội; tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Phần IV

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ Điều 5 của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, xác định danh mục vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo thứ tự sau:

1. Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (Theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ), gồm 14 vị trí:

- Vị trí Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;
- Vị trí Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông;
- Vị trí Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất;

- Vị trí Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;
- Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông;
- Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- Vị trí Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Vị trí Hiệu trưởng trường Mầm non;
- Vị trí Hiệu trưởng trường Tiểu học;
- Vị trí Hiệu trưởng trường THCS;
- Vị trí Phó Hiệu trưởng trường Mầm non;
- Vị trí Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học;
- Vị trí Phó Hiệu trưởng trường THCS.

2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 99 vị trí

2.1. Trung tâm phát triển quỹ đất: 12 vị trí

- Vị trí Bồi thường và giải phóng mặt bằng (hạng II);
- Vị trí Bồi thường và giải phóng mặt bằng (hạng III);
- Vị trí Quản lý và phát triển quỹ đất (hạng II);
- Vị trí Quản lý và phát triển quỹ đất (hạng III);
- Vị trí Địa chính viên hạng I;
- Vị trí Địa chính viên hạng II;
- Vị trí Địa chính viên hạng III;
- Vị trí Địa chính viên hạng IV;
- Vị trí Đo đạc bản đồ viên hạng I;
- Vị trí Đo đạc bản đồ viên hạng II;
- Vị trí Đo đạc bản đồ viên hạng III;
- Vị trí Đo đạc bản đồ viên hạng IV.

2.2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp (Phụ lục II, Theo Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Nông nghiệp và PTNT): 18 vị trí

- Vị trí Khuyến nông hạng II;
- Vị trí Khuyến nông hạng III;
- Vị trí Khuyến nông hạng IV;
- Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II;

- Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III;
- Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng IV;
- Vị trí Bảo vệ thực vật hạng II;
- Vị trí Bảo vệ thực vật hạng III;
- Vị trí Bảo vệ thực vật hạng IV;
- Vị trí chẩn đoán bệnh động vật hạng II;
- Vị trí chẩn đoán bệnh động vật hạng III;
- Vị trí chẩn đoán bệnh động vật hạng IV;
- Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng II;
- Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng III;
- Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng IV;
- Vị trí Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II;
- Vị trí Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III;
- Vị trí Kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV.

2.3. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (Phụ lục VI, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục; Phụ lục V, Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội): 06 vị trí

- Vị trí Giáo viên THPT hạng I;
- Vị trí Giáo viên THPT hạng II;
- Vị trí Giáo viên THPT hạng III;
- Vị trí Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I;
- Vị trí Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II;
- Vị trí Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III.

2.4. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông: 50 vị trí

- Vị trí Đạo diễn nghệ thuật hạng II;
- Vị trí Đạo diễn nghệ thuật hạng III;
- Vị trí Đạo diễn nghệ thuật hạng IV;
- Vị trí Diễn viên hạng II;
- Vị trí Diễn viên hạng III;
- Vị trí Diễn viên hạng IV;
- Vị trí Huấn luyện viên chính hạng II;
- Vị trí Huấn luyện hạng III;

- Vị trí Hướng dẫn viên hạng IV;
- Vị trí Tuyên truyền viên văn hóa;
- Vị trí Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp;
- Vị trí Hướng dẫn viên văn hóa hạng II;
- Vị trí Hướng dẫn viên văn hóa hạng III;
- Vị trí Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV;
- Vị trí Họa sĩ hạng II;
- Vị trí Họa sĩ hạng III;
- Vị trí Họa sĩ hạng IV;
- Vị trí Phương pháp viên hạng II;
- Vị trí Phương pháp viên hạng III;
- Vị trí Phương pháp viên hạng IV;
- Vị trí Di sản viên hạng II;
- Vị trí Di sản viên hạng III;
- Vị trí Di sản viên hạng IV;
- Vị trí Thư viện viên hạng II;
- Vị trí Thư viện viên hạng III;
- Vị trí Thư viện viên hạng IV;
- Vị trí Biên tập viên hạng I;
- Vị trí Biên tập viên hạng II;
- Vị trí Biên tập viên hạng III;
- Vị trí Phóng viên hạng I;
- Vị trí Phóng viên hạng II;
- Vị trí Phóng viên hạng III;
- Vị trí Phát thanh viên hạng I;
- Vị trí Phát thanh viên hạng II;
- Vị trí Phát thanh viên hạng III;
- Vị trí Phát thanh viên hạng IV;
- Vị trí Biên dịch viên hạng I;
- Vị trí Biên dịch viên hạng II;
- Vị trí Biên dịch viên hạng III;
- Vị trí Âm thanh viên hạng I;

- Vị trí Âm thanh viên hạng II;
- Vị trí Âm thanh viên hạng III;
- Vị trí Âm thanh viên hạng IV;
- Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng I;
- Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng II;
- Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng III;
- Vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng IV;
- Vị trí Kỹ sư chính;
- Vị trí Kỹ sư;
- Vị trí Kỹ thuật viên.

2.5. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục I, Thông tư số 19 và 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo): **13 vị trí**

- Vị trí Giáo viên Mầm non hạng I;
- Vị trí Giáo viên Mầm non hạng II;
- Vị trí Giáo viên Mầm non hạng III;
- Vị trí Giáo viên Tiểu học hạng I;
- Vị trí Giáo viên Tiểu học hạng II;
- Vị trí Giáo viên Tiểu học hạng III;
- Vị trí Giáo viên THCS hạng I;
- Vị trí Giáo viên THCS hạng II;
- Vị trí Giáo viên THCS hạng III;
- Vị trí Thiết bị, thí nghiệm;
- Vị trí Giáo vụ;
- Vị trí Tư vấn học sinh;
- Vị trí Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (Phụ lục IV theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV): **13 vị trí**

- Vị trí Thư viện viên hạng II;
- Vị trí Thư viện viên hạng III;
- Vị trí Thư viện viên hạng IV;
- Vị trí Chuyên viên về quản trị công sở;
- Vị trí Chuyên viên về tổng hợp;
- Vị trí Kế toán viên;

- Vị trí Kế toán viên trung cấp;
- Vị trí Chuyên viên Thủ quỹ;
- Vị trí Cán sự Thủ quỹ;
- Vị trí Nhân viên Thủ quỹ;
- Vị trí Văn thư viên;
- Vị trí Văn thư viên trung cấp;
- Vị trí Y tế học đường.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (Phụ lục V theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV): 04 vị trí

- Vị trí Nhân viên Lái xe;
- Vị trí Nhân viên Phục vụ;
- Vị trí Nhân viên Bảo vệ;
- Vị trí Nhân viên nấu ăn.

II. BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Là diễn giải cụ thể hóa các công việc của vị trí việc làm (bao gồm mục tiêu của vị trí việc làm; các nhiệm vụ, công việc và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc; các mối quan hệ trong công việc; phạm vi quyền hạn và các yêu cầu về trình độ, năng lực của vị trí việc làm). Các yêu cầu về năng lực của vị trí việc làm gồm 03 nhóm (nhóm năng lực chung, nhóm năng lực chuyên môn và nhóm năng lực quản lý) được thể hiện theo các cấp độ khác nhau, được xác định từ cao xuống thấp. Việc phân chia mức độ năng lực dựa trên mức độ phức tạp, độ thành thạo, yêu cầu của công việc, quy mô, phạm vi triển khai của năng lực

(Có bản mô tả vị trí việc làm kèm theo Phụ lục II).

III. KHUNG CẤP ĐỘ XÁC ĐỊNH YÊU CẦU VỀ NHÓM NĂNG LỰC ĐỐI VỚI VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Khung cấp độ xác định yêu cầu về nhóm năng lực đối với vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo nguyên tắc vị trí việc làm nào yêu cầu tiêu chuẩn, trình độ cao hơn thì cấp độ phải cao hơn; vị trí việc làm có tính chất tương đồng thì cấp độ phải giống nhau; đảm bảo tính khoa học, thống nhất, tương quan giữa các vị trí việc làm; tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp, quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý của vị trí việc làm và quy trình quản lý của đơn vị. Nhóm năng lực đối với vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; gồm 03 nhóm như sau:

1. Nhóm năng lực chung

Là những phẩm chất, đặc tính cần phải có của viên chức. Đây là những năng lực cần thiết cho tất cả các vị trí việc làm, được xác định dựa trên giá trị cốt lõi trong hoạt động nghề nghiệp của đơn vị; gồm năng lực cụ thể như sau:

- Đạo đức và bản lĩnh;
- Tổ chức thực hiện công việc;
- Soạn thảo và ban hành văn bản;
- Giao tiếp ứng xử;
- Quan hệ phối hợp;
- Sử dụng công nghệ thông tin;
- Sử dụng ngoại ngữ.

2. Nhóm năng lực chuyên môn

Là những đòi hỏi cần thiết cho từng vị trí việc làm cụ thể trong đơn vị và được xác định dựa vào nhiệm vụ, hoạt động, ngành nghề của vị trí việc làm; gồm năng lực cụ thể như sau:

- Tham mưu xây dựng văn bản;
- Hướng dẫn thực hiện văn bản;
- Kiểm tra thực hiện văn bản;
- Thẩm định, góp ý văn bản;
- Tổ chức thực hiện văn bản;
- Thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Nhóm năng lực quản lý

Là những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho từng vị trí việc làm cụ thể trong đơn vị và được xác định dựa vào nhiệm vụ, hoạt động, tiêu chuẩn được cấp có thẩm quyền ban hành của vị trí việc làm; gồm năng lực cụ thể như sau:

- Tư duy chiến lược;
- Quản lý sự thay đổi;
- Ra quyết định;
- Quản lý nguồn lực;
- Phát triển nhân viên.

IV. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC

1. Tổng hợp vị trí việc làm

(Có Phụ lục I kèm theo).

2. Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 3 Điều 4 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Tổng số vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành và vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 112 vị trí/tổng số 130 vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp (chiếm 86,15%).

b) Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức không giữ chức vụ quản lý

Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương: 97/1142 chiếm 8,49%.

Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương: 571/1142 chiếm 50%.

Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương trở xuống: 474/1142 chiếm 41,51%

(Có Phụ lục IV kèm theo)

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Đề án được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Xem xét bổ sung thêm biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và định mức biên chế giáo viên theo quy định.

Trên đây là Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của UBND huyện Mường Tè./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lai Châu;
- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, PNV.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Văn Khánh